

CÔNG BỐ

Giá nhân công xây dựng phổ biến trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 97/2009/NĐ-Cp ngày 30/10/2009 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BLĐTBXH ngày 16/5/2009 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ về hợp đồng lao động.

Căn cứ văn bản số 1235/BHXH-PT ngày 30/12/2009 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng về mức đóng BHXH, BHYT, BHTN, mức tiền lương tối thiểu vùng.

Sau khi thống nhất cùng các Sở ngành liên quan, Sở Xây dựng công bố giá nhân công xây dựng phổ biến trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

I. KHU VỰC THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT VÀ THÀNH PHỐ BẢO LỘC:

- Lương tối thiểu: 810.000 đồng;
- Lương cấp bậc: thang bảng lương A.1.8 Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về việc Quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp trong công ty nhà nước.
- Phụ cấp lưu động: 40% lương tối thiểu.
- Một số khoản phụ cấp khác: 33% lương cơ bản (đã bao gồm BHTN: 1%).

Riêng về bảo hiểm thất nghiệp (1%): Chủ đầu tư công trình xây dựng cần căn cứ theo đối tượng được hưởng Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm để tính toán giá nhân công xây dựng và thanh toán cho nhà thầu theo quy định (nếu không thuộc đối tượng được hưởng Bảo hiểm thất nghiệp thì không được thanh toán).

- Giá nhân công chưa tính phụ cấp khu vực.

1. BẢNG LƯƠNG NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NHÓM I :

Cấp bậc thợ	Đơn vị	Lương ngày công (đồng)
Nhân công bậc 2,5/7	Công	95.124

Nhân công bậc 2,7/7	-	97.858
Nhân công bậc 3,0/7	-	101.960
Nhân công bậc 3,2/7	-	105.192
Nhân công bậc 3,3/7	-	106.808
Nhân công bậc 3,5/7	-	110.040
Nhân công bậc 3,7/7	-	113.272
Nhân công bậc 4,0/7	-	118.120
Nhân công bậc 4,3/7	-	123.838
Nhân công bậc 4,5/7	-	127.650
Nhân công bậc 5,0/7	-	137.180

2. BẢNG LƯƠNG NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NHÓM II :

Cấp bậc thợ Cấp bậc thợ	Đơn vị Đơn vị	Lương ngày công (đồng)
Nhân công bậc 2,5/7	Công	100.924
Nhân công bậc 2,7/7	-	103.825
Nhân công bậc 3,0/7	-	108.176
Nhân công bậc 3,2/7	-	111.490
Nhân công bậc 3,3/7	-	113.148
Nhân công bậc 3,5/7	-	116.462
Nhân công bậc 3,7/7	-	119.777
Nhân công bậc 4,0/7	-	124.749
Nhân công bậc 4,3/7	-	130.716
Nhân công bậc 4,5/7	-	134.694
Nhân công bậc 5,0/7	-	144.638

3. BẢNG LƯƠNG NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NHÓM III :

Cấp bậc thợ	Đơn vị	Lương ngày công (đồng)
Nhân công bậc 2,5/7	Công	110.662
Nhân công bậc 2,7/7	-	113.811
Nhân công bậc 3,0/7	-	118.534
Nhân công bậc 3,2/7	-	122.263
Nhân công bậc 3,3/7	-	124.128
Nhân công bậc 3,5/7	-	127.857
Nhân công bậc 3,7/7	-	131.586
Nhân công bậc 4,0/7	-	137.180
Nhân công bậc 4,3/7	-	143.768
Nhân công bậc 4,5/7	-	148.160
Nhân công bậc 5,0/7	-	159.140

II. KHU VỰC CÁC HUYỆN CÒN LẠI:

- Lương tối thiểu: 730.000 đồng.
- Lương cấp bậc: thang bảng lương A.1.8 Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về việc Quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp trong công ty nhà nước.
- Phụ cấp lưu động: 40% lương tối thiểu.
- Một số khoản phụ cấp khác: 33% lương cơ bản (đã bao gồm BHTN: 1%).

Riêng về bảo hiểm thất nghiệp (1%): Chủ đầu tư công trình xây dựng căn cứ theo đối tượng được hưởng Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm để tính toán giá nhân công xây dựng và thanh toán cho nhà thầu theo quy định (nếu không thuộc đối tượng được hưởng Bảo hiểm thất nghiệp thì không được thanh toán).

- Giá nhân công chưa tính phụ cấp khu vực.

1. BẢNG LƯƠNG NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NHÓM I :

Cấp bậc thợ	Đơn vị	Lương ngày công (đồng)
Nhân công bậc 2,5/7	Công	85.729
Nhân công bậc 2,7/7	-	88.193
Nhân công bậc 3,0/7	-	91.890
Nhân công bậc 3,2/7	-	94.803
Nhân công bậc 3,3/7	-	96.259
Nhân công bậc 3,5/7	-	99.172
Nhân công bậc 3,7/7	-	102.085
Nhân công bậc 4,0/7	-	106.454
Nhân công bậc 4,3/7	-	111.607
Nhân công bậc 4,5/7	-	115.042
Nhân công bậc 5,0/7	-	123.631

2. BẢNG LƯƠNG NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NHÓM II :

Cấp bậc thợ	Đơn vị	Lương ngày công (đồng)
Nhân công bậc 2,5/7	Công	90.957
Nhân công bậc 2,7/7	-	93.571
Nhân công bậc 3,0/7	-	97.492
Nhân công bậc 3,2/7	-	100.479
Nhân công bậc 3,3/7	-	101.973
Nhân công bậc 3,5/7	-	104.960
Nhân công bậc 3,7/7	-	107.947
Nhân công bậc 4,0/7	-	112.428
Nhân công bậc 4,3/7	-	116.013

Nhân công bậc 4,5/7	-	121.391
Nhân công bậc 5,0/7	-	130.353

3. BẢNG LƯƠNG NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NHÓM III :

Cấp bậc thợ	Đơn vị	Lương ngày công (đồng)
Nhân công bậc 2,5/7	Công	99.732
Nhân công bậc 2,7/7	-	102.570
Nhân công bậc 3,0/7	-	106.827
Nhân công bậc 3,2/7	-	110.188
Nhân công bậc 3,3/7	-	111.868
Nhân công bậc 3,5/7	-	115.229
Nhân công bậc 3,7/7	-	118.590
Nhân công bậc 4,0/7	-	123.631
Nhân công bậc 4,3/7	-	127.589
Nhân công bậc 4,5/7	-	133.527
Nhân công bậc 5,0/7	-	143.423

III. Phạm vi áp dụng:

1. Giá nhân công xây dựng phổ biến được công bố trên là tài liệu để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 112/2009/NĐ-CP, ngày 14/12/2009 của Chính phủ và Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng.

Trên đây là công bố bảng giá nhân công xây dựng phổ biến trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản hồi về Sở Xây dựng (phòng Kinh tế xây dựng) để cùng nghiên cứu giải quyết.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Các phòng QLĐT, Công thương của các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc;
- Các tổ chức hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: KTXD, VT.



GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Dũng